TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2021
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Danh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khải
2. Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 442/2020/HNGĐ-ST ngày 08-12-2020 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-8-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 31-8-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thụy L, xã Thanh L, huyện Yên M, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện , trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ngày 16-03-2012, ông T và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (cũ) nay là huyện R, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhưng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không

có sự quan T, lo lắng cho nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã tự H giải để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Vợ chồng ông T và bà H đã sống ly thân khoảng 07 năm nay. Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Trần Thị H.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa ông T và bà H có 01 người con chung là Nguyễn Công D, sinh năm 2012, hiện cháu D đang trực tiếp sinh sống cùng bà H, ông T đồng ý giao con chung là cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt, nên không có bản lời khai.

***Tại phiên tòa*:** Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn ông Nguyễn Công T được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị H.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa ông T và bà H có 01 người con chung là Nguyễn Công D, sinh năm 2012, hiện cháu D đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T đồng ý giao con chung là cháu D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc " *Tranh chấp Ly hôn*", bị đơn hiện cư trú tại thôn L, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt nhưng trước đó đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem như bà từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Công T cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không quan T, chăm sóc gia đình. Xét thấy, ông T và bà H sống chung với nhau từ năm 2012, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H đến tòa để tham gia phiên H giải nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn hiện ông bà đã sống ly thân, không còn quan T, chăm sóc lẫn nhau. Ngày 04-3-2021, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống ông bà thường hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên đi uống rượu về đánh đập vợ con và hiện nay đã sống ly thân khoảng 07 năm nay. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông T là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: giữa ông T và bà H có 01 người con chung là Nguyễn Công D, sinh năm 2012; hiện cháu D đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T đồng ý giao cháu D cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Khi giải quyết vụ án về ly hôn, cần xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của trẻ em và việc giải quyết về nuôi dưỡng con chung trong vụ án, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung ổn định, phát triển, đồng thời phải xem xét đến nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, hơn nữa hiện cháu D đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình lấy lời khai cháu D có nguyện vọng được trực tiếp sống với mẹ là bà H, nên cần tuyên giao con chung tên Nguyễn Công D, sinh năm 2012 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu D cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Công T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T về việc "Tranh chấp Ly hôn".

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công T được ly hôn với bà Trần Thị H.

2/ Về việc nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Công D, sinh năm 2012 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Công T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0012005 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Ông T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện R;*
- *CC THA DS huyện R;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Danh Hòa